

Số: /GPMT-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Cơ sở chăn nuôi và sản xuất giống gia cầm công nghệ cao Minh Dư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 56/CV-MD ngày 15/6/2024 của Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 719/TTr-STNMT ngày 21/6/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư, địa chỉ tại thôn Huỳnh Mai, xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở chăn nuôi và sản xuất giống gia cầm công nghệ cao Minh Dư (công suất 208.000 con/năm) tại thôn Nam Tượng 3, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án**

1.1. Tên cơ sở: Cơ sở chăn nuôi và sản xuất giống gia cầm công nghệ cao Minh Dư (công suất 208.000 con/năm).

1.2. Địa điểm hoạt động thôn Nam Tượng 3, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Số 4100616618 do phòng Đăng ký kinh

doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 18/9/2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 27/12/2023.

1.4. Mã số thuế: 4100616618.

1.5. Loại hình hoạt động: Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Diện tích 475.403,33 m<sup>2</sup>, tại thôn Nam Tượng 3, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Quy mô, công suất: Nuôi gà bố mẹ đẻ trứng số lượng 416.000 con/năm, bao gồm 04 khu chuồng nuôi (gồm 32 dãy chuồng). Hiện nay, cơ sở đã xây dựng và đưa vào hoạt động giai đoạn 1 với 02 khu chuồng nuôi (16 dãy chuồng nuôi) với công suất 208.000 con/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dur được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH giống gia cầm Minh Dur có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường, Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày      tháng      năm 2024 đến ngày      tháng      năm 2034).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND xã Nhơn Tân;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục I**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI**  
**CÔNG TÁC THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND  
ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 02: nước thải chăn nuôi.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh chính hồ Núi Một ở phía Tây Cơ sở, thuộc thôn Nam Tượng 3, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Kênh chính hồ Núi Một ở phía Tây Cơ sở, thuộc thôn Nam Tượng 3, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3<sup>0</sup>): X = 1.530.961; Y = 582.562.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 40 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chu kỳ xả nước thải: 24/24 giờ, 365 ngày/năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải là QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B, K<sub>q</sub> = 0,9; K<sub>f</sub> = 1,3), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B, K <sub>q</sub> = 0,9; K <sub>f</sub> = 1,3	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	117	
3	COD	mg/l	351	
4	TSS	mg/l	175,5	
5	Tổng Nito (theo N)	mg/l	175,5	
6	Tổng Coliforms	mg/l	5.000	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Hệ thống thu gom nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa, nước thải của dự án được thu gom như sau:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh: thu gom bằng ống uPVC 114 về bể tự hoại 3 ngăn, sau đó dẫn ra hố ga bằng ống uPVC 114, từ hố ga thoát theo đường ống HDPE D150, D200, D300 được bố trí dọc theo sân đường nội bộ chảy về hố bơm (ở cuối khu chuồng nuôi II), bơm dẫn bằng ống HDPE D50 về hệ thống xử lý nước thải (XLNT) để xử lý.

+ Đối với nước thải từ nhà ăn, nhà bếp: qua bể tách dầu mỡ, sau đó sau đó dẫn ra hố ga bằng ống uPVC 114, từ hố ga thoát theo đường ống HDPE D150, D200, D300 được bố trí dọc theo sân đường nội bộ chảy về hố bơm (ở cuối khu chuồng nuôi II), bơm dẫn bằng ống HDPE D50 về hệ thống XLNT để xử lý.

+ Đối với nước thải phát từ nhà ở của công nhân: qua lưới chắn rác chảy ra hố ga bằng ống uPVC 114, từ hố ga thoát theo đường ống HDPE D150, D200, D300 được bố trí dọc theo sân đường nội bộ chảy về hố bơm (ở cuối khu chuồng nuôi II), bơm dẫn bằng ống HDPE D50 về hệ thống XLNT để xử lý.

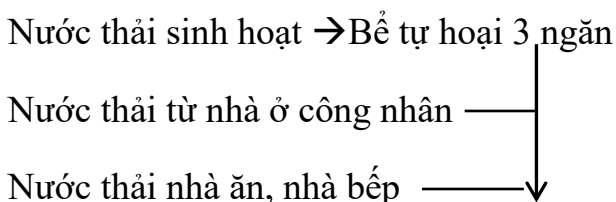
- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải vệ sinh chuồng nuôi được thu gom bằng rãnh trong chuồng nuôi có kích thước 60cm x 50cm, sau đó dẫn về rãnh bên ngoài chuồng nuôi bố trí trên vỉa hè có kích thước 100cm x 50cm bằng ống uPVC D42, vào hố ga bằng ống HDPE D150, từ hố ga thoát theo đường ống HDPE D200, D300 chảy về hố bơm (ở cuối khu chuồng nuôi II), bơm dẫn bằng ống HDPE D50 về hệ thống XLNT để xử lý.

+ Nước thải từ nhà khử trùng xe, nhà khử trùng công nhân được thu gom bằng ống uPVC 114 về hố ga, từ hố ga thoát theo đường ống HDPE D150, D200, D300 dẫn về hố bơm (ở cuối khu chuồng nuôi II), bơm dẫn bằng ống HDPE D50 về hệ thống XLNT để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Sơ đồ công nghệ xử lý như sau:



Nước thải chăn nuôi → Hồ thu gom → Bể điều hòa → Bể kỵ khí → Bể sinh học hiếu khí MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải đầu ra (Đạt QCVN 62:MT-2016/BTNMT, cột B,  $K_q = 0,9$  ;  $K_f = 1,3$ ).

- Quy trình vận hành: hệ thống xử lý nước thải được thiết kế vận hành tự động, thường xuyên, liên tục.

- Công suất thiết kế: Hệ thống xử lý nước thải có công suất 40 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, đặt ngầm với diện tích 28,42 m<sup>2</sup>, nhà đặt thiết bị xử lý (01 tầng nổi) với diện tích 7,92 m<sup>2</sup>.

- Thông số thiết kế của hệ thống xử lý nước thải như sau:

Stt	Hạng mục	Thông số thiết kế			Thể tích Thiết kế (m <sup>3</sup> )
		Dài	Rộng	Cao	
		(m)	(m)	(m)	
1	Bể điều hòa	2,35	2,8	4,38	28,82
2	Bể sinh học kỵ khí	2,0	1,8	4,38	15,77
3	Bể sinh học hiếu khí	2,0	3,5	4,38	30,66
4	Bể lắng sinh học	1,5	1,5	4,38	9,85
5	Bể khử trùng	0,6	1,5	4,38	3,9
6	Bể chứa bùn	0,75	2,35	4,38	7,72

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất khử trùng sử dụng là Chlorine.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Lắp đặt hệ thống chống sét, hệ thống điện PCCC, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn EXIT, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy vách tường và trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu theo đúng thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 66/TD-PCCC ngày 31/3/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH.

- Phòng và trị bệnh trong quá trình chăn nuôi: Tổ chức tốt công tác phòng bệnh, thực hiện triệt để quy trình tiêm phòng, tuân thủ nghiêm ngặt công tác phòng dịch từ xa, không cho người ngoài vào khu vực chăn nuôi, công nhân tuân thủ tốt nội quy phòng dịch, điều trị bệnh kịp thời, tránh lạm dụng thuốc.

- Đối với phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hư hỏng hệ thống xử lý nước thải: thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng đường ống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên kiểm tra và giám sát các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải; vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp. Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố: sử dụng tín hiệu báo sự cố khi có sự cố xảy ra, sử dụng bơm nước thải dự phòng khi bị cháy bơm; lưu giữ tạm thời nước thải tại hồ gom; giảm thiểu các hoạt động phát sinh nước thải của Cơ sở; duy tu, sửa chữa nhanh chóng hư hỏng, đồng thời báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã An Nhơn, UBND xã Nhơn Tân để phối hợp quản lý và hỗ trợ khi xảy ra sự cố.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: trong vòng 06 tháng kể từ thời điểm được cấp phép.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải có công suất 40 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1 Vị trí lấy mẫu: Nước sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải có công suất 40 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi:

- Xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của trang trại, đảm bảo nước thải đạt giới hạn cho phép theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (Cột B, hệ số  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,3$ ) trước khi thải vào kênh chính Hồ Núi Một.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, đảm bảo hệ thống luôn trong tình trạng hoạt động tối ưu; bố trí nhân viên thường xuyên theo dõi, vận hành hệ thống xử lý nước thải, theo đúng quy trình thiết kế.

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải hoạt động thường xuyên, liên tục có hiệu quả.

- Lắp đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống trước khi xả thải vào kênh chính Hồ Núi Một.

- Trong thời gian kênh chính Hồ Núi Một ngừng cấp nước tưới (từ ngày 15/09 đến ngày 15/12 hằng năm), Chủ dự án có trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy lợi xác định lưu lượng nước xả thải vào kênh tương ứng với lưu lượng nước trong kênh chính Hồ Núi Một để chất lượng nước trong kênh đạt Mức A theo Bảng 2 QCVN 08:2023/BTNMT phục vụ cho cấp nước sinh hoạt.

- Báo cáo và xử lý kịp thời khi có sự cố ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận và môi trường do việc xả nước thải gây ra.

### 3.3. Yêu cầu khác

- Bố trí nhân viên thường xuyên theo dõi, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình thiết kế.
- Thường xuyên kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải hoạt động thường xuyên, liên tục có hiệu quả.
- Báo cáo và xử lý kịp thời khi có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận và môi trường do việc xả nước thải gây ra.

**Phụ lục II**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND  
ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: từ hoạt động máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: từ hoạt động của các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: từ hoạt động của hệ thống quạt thông gió của khu chuồng nuôi 1.
- Nguồn số 04: từ hoạt động của hệ thống quạt thông gió của khu chuồng nuôi 2.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: vị trí nhà đặt máy phát điện dự phòng, tọa độ X = 1.530.607, Y = 582.633.
- Nguồn số 02: vị trí xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, tọa độ X = 1.530.990, Y = 582.633.
- Nguồn số 03: từ hoạt động của hệ thống quạt thông gió của khu chuồng nuôi 1, tọa độ X = 1.530.196; Y = 582.873.
- Nguồn số 04: từ hoạt động của hệ thống quạt thông gió của khu chuồng nuôi 2, tọa độ X = 1.530.474; Y = 582.836.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108°15' múi chiều 3°)

**3. Tiếng ồn độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

## 3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Xây dựng tường bằng vật liệu cách âm đối với nhà đặt máy phát điện dự phòng.
- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng và hệ thống quạt thông gió.
- Lắp vật liệu chống rung đối với máy phát điện.
- Trồng cây xanh cách ly sau hệ thống quạt thông gió của 02 khu chuồng nuôi.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục III**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND*  
*ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

- Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã CTNH: 16 01 06): khoảng 10 kg/năm.
- Chất thải có thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (đệm lót sinh học và phân gà bị nhiễm dịch bệnh) (Mã CTNH: 14 02 02): 11.827 kg/năm.
- Gia cầm chết do dịch bệnh (Mã CTNH: 14 02 01): khoảng 33.800 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS) phát sinh

- Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (Mã CTCNPKS: 18 01 04): khoảng 100 kg/năm.
- Bao bì cứng thải bằng nhựa (Mã CTCNPKS: 18 01 03): khoảng 200 kg/năm.
- Bao bì mềm thải (Mã CTCNPKS: 18 01 01): khoảng 20 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

- Phân gà: khoảng 2.293.428 kg/năm.
- Gà chết không do dịch bệnh: khoảng 5.475 kg/năm.
- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: khoảng 86 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 24.966 kg/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa CTNH, CTCNPKS dung tích 240 lít, màu vàng, đặt trong kho chứa chất thải, phân loại mỗi thùng chứa mỗi loại CTNT, CTCNPKS khác nhau.

- Khu vực lưu chứa: 02 khu vực lưu chứa bố trí ở cuối dãy nhà kho tổng hợp của mỗi khu chăn nuôi, diện tích 31,2 m<sup>2</sup>/khu vực lưu chứa. Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Tường gạch, mái tôn, nền bê tông chống thấm, có các biển báo đảm bảo theo quy định.

- Ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý với đơn vị có chức năng.

- Đối với gà chết do dịch bệnh: khi phát hiện trường hợp có dấu hiệu mắc bệnh phải cách ly không để lây lan và báo cho cơ quan chức năng (nhân viên thú ý cấp xã, UBND cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y) kịp thời để xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

- Phân gà: Được dùng làm phân bón hữu cơ (được Cục Bảo vệ thực vật công nhận là phân bón lưu hành tại Việt Nam theo Quyết định số 759/QĐ-BVTV-PB ngày 03/11/2022, với tên phân bón là Organic Fertilizer 55 MD), được chuyển giao cho khách hàng tại chuồng nuôi, không lưu chứa phân tại Cơ sở.

- Gà chết không do dịch bệnh: xử lý bằng cách chôn lấp, mỗi hố chôn kích thước 2x2x2(m) có phủ bạt HDPE dày 0,8mm thành và đáy để chống thấm, được bố trí tại khu vực phía Đông của Cơ sở.

- Lượng bùn thải phát sinh từ HTXLNT: Định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút vận chuyển đi xử lý theo quy định.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa rác dung tích 120 lít, có nắp đậy, chất liệu nhựa cứng, hình khối vuông.

- Khu vực lưu chứa: lưu chứa tại nhà rác có mái che, nền bê tông ở phía Bắc, diện tích 32 m<sup>2</sup>.

- Ký kết hợp đồng thu gom vận chuyển với đơn vị có chức năng.

**Phụ lục IV**  
**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND*  
*ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**1. Các nội dung Chủ cơ sở tiếp tục thực hiện theo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Quyết định số 4962/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh)**

- Xây dựng 2 khu chuồng nuôi (Khu III và IV) diện tích 31.288,84 m<sup>2</sup>.
- Lắp hệ thống quạt gió (144 quạt gió) cho 2 khu chuồng nuôi (Khu III và IV) để giảm thiểu mùi hôi từ khu vực nuôi.
- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom nước thải của 2 khu chuồng nuôi (Khu III và IV) dẫn đầu nối về hệ thống XLNT để xử lý.
- Xây dựng công trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn, CTNH của 2 khu chuồng nuôi (Khu III và IV).
- Trồng và chăm sóc cây xanh trên mặt bằng dự án đảm bảo diện tích 170.245,3 m<sup>2</sup>.

**2. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường**

2.1. Trồng và chăm sóc cây xanh trên mặt bằng dự án đảm bảo diện tích 83.222 m<sup>2</sup>.

2.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải:

- Lắp hệ thống quạt gió (144 quạt gió) cho 2 khu chuồng nuôi để giảm thiểu mùi hôi từ khu vực nuôi.
- Sử dụng trấu làm đệm lót sinh học giúp phân gà phân hủy tại chuồng, giảm mùi hôi từ phân gà.
- Giảm thiểu khí thải từ hoạt động máy phát điện dự phòng:
  - + Sử dụng loại dầu có tỷ lệ %S <1 để giảm nồng độ SO<sub>2</sub> trong khí thải.
  - + Phòng đặt máy phát điện đã được thiết kế cao, rộng, thoáng và được đặt ở địa điểm có khoảng cách hợp lý và tách biệt với các khu vực cần độ yên tĩnh.
  - + Máy phát điện Cơ sở sử dụng là loại mới có trang bị các bộ phận giảm ồn, rung, hạn chế tối đa lượng khói thải gây ô nhiễm.
- Xe vận chuyển phục vụ chuyên chở nguyên liệu, thành phẩm tại trang trại có thùng kín và được định kỳ kiểm tra chất lượng tại cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

2.3. Lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định của pháp luật.

2.4. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ

môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp.

2.5. Thực hiện công tác phòng ngừa và ứng phó sự cố trong trường hợp phát sinh dịch bệnh theo quy định.

2.6. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định mới.